

BA MÔ THỨC CĂN BẢN CỦA VIỆT NHO

1- ÂM DƯƠNG

2- TAM TÀI

3- NGŨ HÀNH

Âm Dương Của Việt Nho

Âm Dương là hai ý niệm căn bản cấu thành vạn vật. Ý niệm này có từ thời xa xưa. Người ta ghi lại bằng một vạch liền— và một vạch đứt – – , vạch liền sau này gọi là Dương. Vạch đứt sau này gọi là Âm

Âm Dương có thể diễn giải thêm như đó là hai thế lực lớn gồm tất cả những gì có tính chất đối nghịch: giống cái và giống đực, tối và sáng, mềm và rắn, tĩnh và động... Sự hỗ tương hành động của Âm Dương sinh ra mọi hiện tượng vũ trụ.

Khi được hiểu như là “âm dương nhị khí” trong thiên nhiên, như khi xảy ra việc động đất ở ba lưu vực thuộc địa phận nhà Chu, sách Chu Ngữ giải thích “Nếu khí Dương bị hãm ở dưới mà không xuất ra được, khí Âm bị nén mà không thoát lên được bấy giờ có địa chấn (động đất). Nay ba con sông bị động, ấy là khí Dương đã mất địa vị chính của nó và đã nén vào khí Âm. Khí Dương đã ra ngoài địa vị mà đứng vào địa vị của Âm, hẳn là nguồn sông phải bế tắc vậy” (Dương phục nhi bất năng xuất. Âm bách nhi bất năng chung. U thị hữu địa chấn, Kim tam nguyên thực chấn, Âm bách nhi bất năng chung. U thị địa chấn, Kim tam xuyên thực chấn. Thị dương thất kỳ sở nhi chấn Âm dã. Dương thất nhi tại Âm. Xuyên nguyên tất tắc”.

Kinh Dịch nói:

Nhất âm nhất dương chi vị đạo.

一陰一陽之謂道。

“ Nhất âm nhất dương chi vị Đạo. Kế chi giả, thiện dã, thành chi giả, tính dã”.
(Kinh Dịch, Hệ từ 5)

(Một Âm một Dương là Đạo, kế tiếp là thiện lành, thành được âm dương là Tính)

Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo

Đức Khổng Tử đã giải thích Đạo rất rõ ràng nơi đây. Đạo là gì? Đơn sơ, giản dị, đạo là nhịp âm dương của vận hành vũ trụ. Âm và Dương là cặp phạm trù mâu thuẫn mà hòa hợp như đã trình bày. Đạo không thể cô âm hay độc dương. Đạo là

một nguyên lý có tính hai mà một. Đạo là **lượng-nhất-tính**. Đạo chính là Thái Cực bao dung Âm Dương. Kinh Dịch còn nói đến luật “Ba dương hai âm” (Tham thiên lưỡng địa nhi ý số, thuyết quái) nghĩa là tỷ lệ dương âm là 3/2. Khoa học cũng chứng minh chân lý này.(1)

Kế chi giả, Thiên dã

Thánh Hiền xưa còn nhắc ta ý nghĩa triết lý của chữ Thiện. Thiện là Nguyên Lý Âm Dương, phần tiên thiên chưa hình thành của vạn vật, là bước trong lãnh ban sơ của tạo vật.

Thành chi giả, Tính dã

Câu này sẽ được hiểu như sự tự thành Lý Âm Dương chính là bản thể của con người, vạn vật. Âm Dương vận hành trong sáng, thiện lành dưỡng nuôi vạn vật. Con người không chỉ nhận thức Âm Dương như một thực thể khách quan của vũ trụ ngoại giới. Âm Dương là thể tính của vạn vật, trong đó con người. Con người nhận thức tính thể Âm Dương của mình. Con người khi ý thức về kết hợp tự thành Âm Dương trong mình, đó là ý thức được Đạo. Âm Dương không là một chân lý thuộc ngoại giới. Âm Dương là bản thể sinh và dưỡng của vạn vật. Do đó, khi con người hiểu thấu cái Tính của mình, tức khắc Hoà được với cái chiều kích bao la của tạo vật, con người mới cảm thấy ta ở trong lòng vũ trụ. Hay tâm ta là tâm vũ trụ, mà tâm vũ trụ cũng là tâm ta. Đức Hoà này cũng được quảng diễn nơi Đạo Đức Kinh của Lão Tử: “Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, vạn vật phụ âm nhi bão dương. Xung khí dĩ vi Hoà”

(Chương 42 – Đạo sinh ra Một, Một sinh ra Hai. Hai sinh ra Ba. Ba sinh ra vạn vật. Vạn vật cũng Âm mà cũng Dương. Mâu thuẫn Âm Dương đó là Hoà). Như vậy, con người chính là một Liên Kết, Tương Quan, Giao Hoà giữa hai chiều đối nghịch, là sự Thành của Âm Dương, và đó cũng là ý nghĩa của chữ Tính.

Ngoài ra, sự tương quan giữa Âm Dương còn có tính chất nội tại. Không có Âm và Dương xét như thuần Âm hay thuần Dương. Trong Âm đã có hàm tàng Dương, và trong Dương đã có tiềm ẩn Âm. (Âm trung hữu dương căn, dương trung hữu Âm căn). Theo luật này, khi Âm phát triển cùng cực, sẽ biến thành Dương, vì nó đã có sẵn mầm dương ở trong. Với Dương, cũng vậy. Khi Dương đến cực thịnh, lại biến thành Âm. Trên thực tế, ta thấy, mặt trời đứng bóng là cực cao, sẽ từ từ xế bóng. Mặt trăng đến độ tròn đầy, rồi chuyển sang từ từ khuyết. Trong đời sống, bất cứ cá nhân, đoàn thể nào, xã hội nào hễ phát triển cực thịnh rồi cũng sẽ đi đến suy tàn, rồi từ những đổ nát, sự kiến tạo tốt đẹp hơn lại khai sinh. Cứ như thế, trong Âm và Dương đều có bản chất của nhau cho vạn vật biến hóa muôn màu muôn vẻ. Khoa học đã chứng minh luật “âm trung hữu dương căn” với sự khám phá ra hạt méson. (2)

Như vậy Âm Dương là nguyên lý tối cao của vạn vật. Âm Dương có tính mâu thuẫn nhưng không hủy diệt. Âm Dương có tính tương quan, tác động, chuyển

hóa lẫn nhau, Âm Dương tương quan trong tính biến dịch và thâm hóa nơi vạn vật vũ trụ. Nho gọi là Thiên, là Đạo, là Tính. Cũng nằm trong chữ Thành ở đọt thể. Âm Dương là Đạo hai chiều kích. Đạo Âm Dương nói chung là phạm trù có tính lưỡng-nhất, kết quả tìm được là Hòa nơi tất cả những gì xem như đối lập: Hòa tình với lý, hòa ý thức với tiềm thức, hòa cá nhân với xã hội, hòa tâm với vật, hòa hữu vi với vô vi... nên Âm Dương chính là Thái Hòa.

Biện chứng Hégel cũng có hai hạn từ đối lập là chính đề và phản đề, nhưng tổng đề của Hégel là tổng đề triệt tiêu hai hạn từ trên. Do đó tổng đề của Hégel là tổng đề giả hiệu, hời hợt, mang tính hủy diệt. Duy vật sử quan của Karl-Marx là con đẻ của tổng đề hủy diệt của Hégel. Duy vật sử quan có tính hủy, tính ác, tính duy của triết học một chiều Tây phương. Âm Dương cũng là hai hạn từ kiểu biện chứng nhưng tổng đề Âm Dương là một tổng đề thứ thật, chân thực, toàn diện, có tầm mức vũ trụ, vạn vật. Hơn nữa, Âm Dương là hai hạn từ bao quát được các nền tảng của vũ trụ với tổng đề Thái Hòa làm đạo diễn cho cuộc nhân sinh. Tổng đề của Hégel chỉ đưa đến trừu tượng tinh thần. Tổng đề duy vật sử quan là tổng đề tiêu diệt đối nghịch của vật bản, là cuộc cánh mạng lẫn lẫn trong chiều kinh tế vật chất, là những rên xiết của kiếp người trong cùm kẹp của sự hủy diệt. Đặt nền tảng giá trị con người trên sinh hoạt kinh tế, có nghĩa là đặt giá trị Âm tính trên cuộc vận động của kiếp người. Đặt nặng chiều Âm nặng nề của vật thể là mất sức sống Âm Dương hai chiều mâu nhiệm của con người. Hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng văn hóa là Âm chỉ huy Dương. Điều này nghịch với “Nhất Âm Nhất Dương Chi Vị Đạo”. Âm Dương Đồng xuất lộ nơi bản tính. Âm Dương Đồng Sinh nơi bản tính. Âm Dương Đồng Thành nơi bản tính. Đó là luật hai chiều Âm Dương. Đó là luật Hòa của Âm Dương.

Tóm lại, **tính nền tảng của Âm Dương là HÒA. Tính nền tảng của duy vật sử quan là HỦY.** Nhận thức Âm Dương Hòa của Việt Nho là ý thức một thể giới quan bao la đại đồng, một nhân sinh quan tự do, nhân bản, đạo đức chân thực. Là giác ngộ Nhân Chủ Tính ở đọt cao cấp, giải phóng con người khỏi những gọng kềm nô lệ Duy Âm (vật bản) cũng như Duy Dương (thần linh).

Chú thích:

(1) Dựa vào luật “Tham thiên lưỡng địa” của Kinh Dịch, hai nhà bác học Trung Hoa là Lý Chánh Đạo(Lee Tsung Dao) và Dương Chân Ninh(Yang Chen Ninh) được giải thưởng Nobel về Vật Lý học năm 1957. Báo Time (ngày 28-01-1957) thuật lại rằng hai nhà bác học trên, trong một cuộc thí nghiệm tại nhà máy nguyên tử ở Columbia đã thấy rằng: Khi cho nổ hạt nhân nguyên tử, tức có phóng xạ, những ly tử Âm và Dương phóng ra lại không đều nhau. Những tia của ly tử Dương dài hơn tia của ly tử Âm. Tia Dương 3 phần, tia Âm chỉ có 2 phần, với tỷ

lệ 3/2. Khi đem một nguyên tử khác chặn đầu những tia Dương và Âm thì tia Dương bắn ra 3 tia nhỏ, còn tia Âm chỉ bắn ra 2 tia nhỏ mà thôi.

(2) Hideki Yukawa, nhà bác học Nhật (giải thưởng Nobel 1949) đã giải thích tại sao chùm dương dính vào nhau, vì lẽ ra dương cùng dương sẽ không hút nhau mà phải xô đẩy ra. Ông khám phá ra loại hạt mới gọi là méson. Méson có thể thuộc dương tính hoặc âm tính hoặc trung lập tính. Cho nên sở dĩ dương và dương hợp được với nhau vì là trong dương có âm (thiếu âm) gọi là méson-âm.

Tam Tài của Việt Nho

Triết lý Tam Tài của Việt Nho là ba hoạt lực trong sự tương quan, hợp tác, chuyển biến lẫn nhau. Tài thứ nhất là Thiên, tài thứ ba là Địa và tài thứ hai là Nhân. Thiên và Địa là hai đối cực mà tài Nhân là nơi giao hòa, hội thông của hai tài Thiên và Địa, Nhân ở đây có tính chất trừu tượng, tiêu biểu. Thiên và Địa là những cặp đôi mâu thuẫn của bản tính con người. Thiên có thể là vô biên, đối lập với Địa là hữu hạn. Thiên là tiềm thức âm u đối với Địa là ý thức rõ rệt. Thiên là lý trí cứng rắn, đối lập với Địa là tình cảm mềm yếu. Thiên là lòng vị tha đối lập với Địa là lòng vị kỷ. Thiên cũng có thể là tâm linh đối lập với Địa là vật thể... Hai đối cực Thiên Địa làm nên Tính Bản Nhiên của con người. Vì, con người là tính thể hai chiều, là nơi hợp nhất của hai đối cực, là điểm liên hợp sống động của Thiên và Địa. Nhân, do đó là tác động Giao, Hội, Hợp, Tương, Liên, Hòa, Thành của hai hoạt lực Thiên Địa. Tác động ấy là Tính, là Mệnh, là Góc, là Thiện của Người.

Chúng ta mới bàn đến Tính của con người, có nghĩa là mẫu dạng của cái tính chung, cái tính đại đồng, cái Nhân tính phổ quát của con người. Đó là thứ Nhân tính chưa đi vào thời gian và không gian nhỏ bé, chưa thành những cá tính riêng tư, chưa đi vào cái tiểu ngã dị biệt ở đợt hiện tượng. Chúng ta có thể gọi tài Nhân ở đây là Nhân tính đại đồng, Tính ở đây là Tính bản nhiên đại ngã. Theo cách trình bày như thế, ta hiểu tam tài là ý thức về Nhân tính ở đợt căn cơ, ở tầm mức phổ biến vũ trụ. Hay nói cách khác, người là một **Hòa Diệu của Trời Đất**, có một địa vị ngang hàng, hóa giải những mâu thuẫn của trời đất, giữ một địa vị quan trọng để trời đất được lưu thông, chuyển biến. Nhờ sự lưu chuyển những Tính của Thiên và Địa, mà cả ba được linh động, trường tồn. Việt Nho gọi là Sinh Sinh.

Sinh Sinh là Thiên Địa Nhân Hòa. Tới đây ta hiểu được cái uyên nguyên sâu xa của sự trường tồn là tính Hòa của Nhân, chỉ có đạt được bản tính Hòa của sự sống đời đời ấy con người bé nhỏ của mỗi cá nhân chúng ta mới tham dự được vào dòng sống muôn đời của Thiên Địa. Khi đạt được giao cảm, giao hòa, tương quan, liên hợp được với Thiên và Địa, con người mới thực sự là một phần tử của cơ thể vũ trụ, mới cảm nhận được những chiều kích bao la trong đời, mới cảm thấy có nguồn sống mãnh liệt nơi đáy thăm tâm hồn. Đời sống sẽ cảm thấy nhẹ

nhàng hơn những âu lo vật thể, những bon chen nhỏ bé, những tình cảm chật hẹp. Tâm tư như mở rộng đến những chân trời của Tính Thể Vô Biên, niềm Bình An thâm sâu nơi đáy lòng, là Ánh Sáng và Âm Thanh của Đạo. Việt Nho biểu thị Tam Tài qua dạng chữ Vương như sau:



Ba vạch ngang là ba tài: Thiên-Địa-Nhân (Trời-Đất-Người). Một vạch ở giữa nối cả ba vạch, để quán thông thiên địa, là chữ Vương. Vương ở đây có nghĩa là sự hoàn thiện, là giao cảm với trời đất, là siêu việt lên như trời đất. Chữ Vương là biểu hiệu của Nhân tính đại đồng, bản thể của con người. Con người là vua trong trời đất, là tâm linh của vạn vật, là cái Tâm của Thiên Địa, là cái Linh của Đất Trời. Ta hãy xem bài thơ Nhân Chủ qua bài vịnh Tam Tài của Trần Cao Vân:

Trời Đất sinh Ta có ý không
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh
Trời Đất in ta một chữ Đồng
Đất nứt, Ta ra, Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất minh mông
Trời che, Đất chở, Ta thông thả
Trời- Đất- Ta đây đủ hóa công.

Ngũ Hành của Việt Nho

Ngũ Hành là một phạm trù triết học, là khung căn bản của minh triết Việt Nho. Bản văn cổ đại nhất nằm trong Kinh Thư, thiên Nghiêu-Điền và thiên Hồng Phạm. Kinh Thư san định thời Khổng Tử, nhưng hai thiên Nghiêu-Điền và Hồng Phạm đã có từ lâu đời.

Bản văn Ngũ Hành chia làm 3 triệt. Triệt nhất, nói về thứ tự các hành. Gồm có kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Triệt hai nói về tính chất của mỗi hành. Triệt ba nói về ngũ vị, sự ứng dụng nơi mùi vị: hàm, khổ, toan, tân, cam (mặn, đắng, chua, cay, ngọt). Triệt hai quan trọng nhất vì nói về cái thể, cái tính chất của mỗi hành.

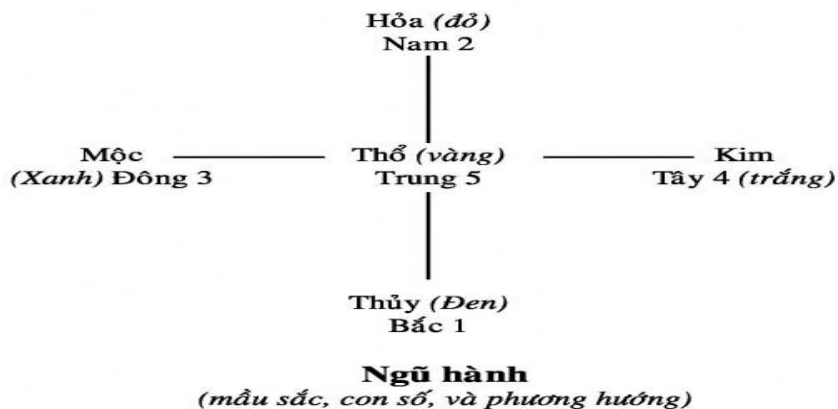
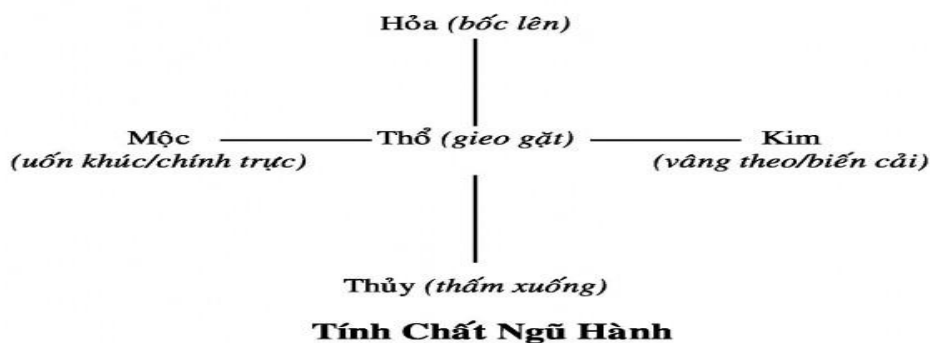
Triết Tây phương theo Aristote vạn vật thành bởi 4 tố chất đất, nước, khí, lửa khác nhau, tuy biệt cách, biến động nhưng đồng thời 4 tố chất kia lại nằm trong khí éther bất biến, nên sự vật vẫn có tính chất liên tục. Nhưng éther ở cùng một bình diện hiện tượng như bốn tố chất kia, nó không có tính nối kết những cá thể riêng rẽ, nó cũng là một tính chất cá biệt, phân ly như bốn tố chất kia. Thành ra,

tuy cùng nói về các tố chất khách quan, nhưng Ngũ Hành của Việt Nho mang một ý nghĩa triết lý hoàn toàn khác biệt với tứ tố vật lý của Aristote.

Thiên Hồng Phạm nói:

*Thủy viết nhuận hạ. Hỏa viết viêm thượng.
Mộc viết khúc trực. Kim viết tòng cách. Thổ viên
giả sắc. 水曰潤下，火曰炎上。木曰曲直，
金曰從革，土爰稼穡。*

“Nước thấm xuống.
Lửa bốc lên.
Mộc uốn khúc để chính trực.
Kim vâng theo để biến cải.
Thổ ở chỗ gieo gặt”,



Hành ở đây không hiểu theo lối tố chất cụ thể như thủy là nước, hỏa là lửa, thổ là đất. Hành ở đây phải được hiểu như là **yếu tính**, là **vận hành**, là tác động, là **hoạt lực**. Như thế theo cái hiểu bằng động từ, hành là một lộ trình của những yếu tính.

Những yếu tính này, kỳ diệu thay, dung chứa những nguyên lý muôn đời của cặp đôi, từng cặp đôi mâu thuẫn mà hòa hợp. Yếu tính của nước là thấm xuống, thì đôi lập với yếu tính của hỏa là vươn lên. Còn yếu tính của Mộc mang tính cặp đôi “uốn khúc”, “chính trực” thì lại đối lập với cặp đôi yếu tính của kim là “vâng theo”, “biến đổi”. Rồi chính trong tự thân yếu tính của Mộc là “khúc” cũng đối đãi với “trực”. Uốn khúc để mà chính trực. Hai tác động đối đãi cao độ ở hành mộc cũng phản ánh nơi hành kim, đó là “tòng” để mà “cách”. Đây là cặp tính thể nhất nguyên lưỡng cực qua yếu tính của Mộc và Kim trong ngũ hành. Thế là từ hành thủy và hành hỏa ta thấy yếu tính tương phản đi với nhau trong cặp đôi lập đơn thủy – hỏa. Rồi đến hành Mộc và Kim thì từ trong mỗi hành đã có cặp tính đối đãi và là cặp đôi lập kép Kim-Mộc. Rồi đến hành Thổ, không có đối lập, nó là một hành đặc biệt không có chỗ ở tứ phương, không có cả yếu tính như 4 hành kia, nhưng chính trong sự hàm tàng, chứa đựng “Gieo – Gặt” thể hiện tác động đối đãi đặc trưng nhất. Thổ ở vị trí trung cung, nên cái cặp đôi uyên nguyên càng linh động, sâu sắc, nền tảng như cặp động từ “gieo-gặt”. Vì vậy, **Thổ gieo gặt tuy có một mình nhưng lại là hồn thiêng của tất cả, là cội hội thông của các cặp đôi lập, là mối tương quan của nghịch chiều.** Thổ vì vậy có đức tròn đầy viên dung của Đạo Thể. Chân lý tối thượng phải tròn, chỉ hình tròn mới bao dung được tất cả các phần tử hạn cực. Thánh Hiền dùng chữ “Viên” để chỉ rõ đức của thổ. **Thổ viên giá sắc.**

Để quảng diễn cho ý nghĩa này, ta hãy xem giá trị của linh đức Thổ

Câu này có nghĩa là “Biết được cái Đạo thể tròn đầy của vạn vật, nên gây được An Hòa cho khắp cõi, vì vậy không đi quá. Hoạt động ở vòng ngoài mà không trôi theo lưu tục. Thấu hiểu mệnh trời nên không ưu sầu. Bình An nơi Thổ Tâm linh huyền nhiệm nên có thể yêu thương bằng tấm lòng chân thực” (4). (Kinh Dịch, Hệ từ 4)

Tri chu hồ vạn vật

Biết vạn vật tới mức tròn đầy, hay biết cái tròn đầy của vạn vật, hay cái hiểu biết toàn thể, về chân lý toàn diện. Đó là **Chu Tri**. Hay nói cách khác, chu tri chính là trí tri, cái biết đến tận cùng. Như **triệt thượng** và **triệt hạ**. Tri đến triệt thượng là biết đến tận cùng cái tính lý của vạn vật. Triệt hạ là biết đến tận cùng cái bước ung dung của tính lý trên sự việc. Biết đến đọt trí tri là biết cả vòng trong tâm linh lẫn vòng ngoài hiện tượng của vạn vật. *Triết giả, triết dã*, nằm trong ý nghĩa chu tri, có nghĩa là triết là cái biết triệt để, cùng cực trong sự hợp nội ngoại để thành đạo, thành con đường đi, thành hướng tiến hóa.

Qua câu quảng diễn này về ý nghĩa của hành Thổ trong Ngũ Hành, ta thấy đường về hành Thổ khởi đầu từ Chu Tri. Tri là sự hiểu biết, ở đây là chu tri, có nghĩa là sự hiểu biết của cái tri thức trọn vẹn, tròn đầy như chân lý. Có thể gọi chu tri là trí tuệ, là cái biết về Đạo lý của cả tử lẫn sinh. Của cả thường hằng bất

biến lẫn thường nghiệm biến dịch. Chu tri là trong biến dịch cảm lẽ bất dịch. Trong động nắm vững tịnh. Chu tri là trong bất an động loạn biết giữ bình an thanh tịnh. Chu tri là Trí tuệ của cả vô biên lẫn hữu hạn. Chu tri là cái biết vươn lên tới đọt Tâm. Là cái biết vượt bé nhỏ giới hạn để bay bổng về vòm trời linh thiêng của Đạo thể. **Chu tri là Huệ Tri.**

Duy tâm hay duy vật là cái biết chưa đến độ tròn, đến chân lý tròn đầy viên mãn. Đó là cái biết phần mớ, mảnh vụn, hạn cục, khiếm khuyết. Những loại tri như vậy chưa phải là cái tri của người cầu tìm chân tri. Vì, như đã trình bày, chân tri phải có tình tròn đầy và dung hợp – **Đạo Thể Viên Dung.**

Đạo Tế Thiên Hạ Có Bất Quá

Đôi đũa thiên hạ từ cái chu tri cho nên không đi quá, có nghĩa là **không** sa vào **cực đoan, bất cập, thái quá, một chiều**. Chỉ có chu tri mới đạt được đạo Bình Quân của trời đất trong việc tiếp nhân xử thế trên đời. Chu tri là biết, nhưng biết để thực hành nơi cõi nhân sinh, nên từ tâm thức chu tri, người trí thức Việt Nho hành đạo thì cuộc sống sẽ không đi vào tệ hại của căn bệnh “duy” một chiều kích mà thường cá nhân hay xã hội, các lý thuyết thường mắc phải. Duy là chỉ có thể này mà không có ngược lại, là cô độc, lẻ loi giữa bầu trời của trí tuệ tròn đầy, là tiêu diệt đối lập, là không truy nhận giá trị của đối kháng, là hủy thế, là diệt, là lạc vào cõi giới hạn, là con đường của tử vong. Các chủ thuyết **duy giai cấp, duy dân tộc, duy thực nghiệm, duy thần linh, hay bất cứ khái niệm duy gì gì đi nữa chỉ là cái ý thức đưa đến sự mất bình quân**, mà đáng lẽ phải đi vào sự “bất quá”.

Chu Tri là mới nói đến cái tri thức, dù là tri thức tròn đầy, viên mãn hai chiều của Đạo thể Viên Dung. Nhưng với Việt Nho, biết không để mà biết, biết không là vòm sao trên trời vô dụng. Người Trí mang trời xuống cùng đất. Với Đạo học Việt Nho, tri hành hợp nhất, nên cái tri thức sẽ được mang ra áp dụng nơi nhân quần xã hội, chu tri đưa đến một cuộc sống tiếp nhân xử thế chừng mực, không bất cập hay là thái quá. Có thể nói, chu tri đưa đến nền tảng Bình Quân trên mọi sinh hoạt xã hội.

Bàng Hành Nhi Bất Lưu

Hoạt động vòng ngoài mà không trôi theo lưu tục. Hoạt động vòng ngoài là tất cả các hình thái sinh hoạt của cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội. Đây là lộ trình hướng ngoài của chu tri, con người cứ đi, đi mãi trở ra ngoài cái bản thể, cái trí tuệ của mình. Như tác động “gieo-gặt” của thổ, con người cứ đi gieo rồi gặt hái mang về cái hạt mầm nhỏ bé của một kiếp nhân sinh. Đi rồi cứ lăn mãi vào cuộc tử sinh, vào cõi động loạn, vào cảnh giới của phân biệt, đa đoan, trá ngụy, ưu sầu, một cõi mê, một cảnh lầm. Nhưng làm sao bước chân ra khỏi sa lầy của cuộc tranh đua cõi tử sinh, của hệ lụy trần gian? Thì đây, Việt Nho đã có chìa khóa hóa giải bằng cái chu tri của đạo. Biết được cái vô cùng bao la rồi nên sẽ có

đường trở về, đi ra ngoài, nhưng vẫn còn *đạo nội gìn giữ tấm lòng son*. Son mài được nhưng vẫn còn sắc đỏ. Trí hiểu đến suối nguồn Minh Triết Siêu Việt rồi, chôn trần gian thô cạn không thể lấp lồi tìm về. Đời sẽ không trôi đi đi mãi. Đời sẽ không cuốn xa xa mãi. Đi sẽ không đi xa mãi. Chu Tri là đến cõi Đạo Thể Viên Dung, là vào quỹ đạo của vòng tròn không kết thúc cũng như khởi đầu, cứ đi đi mãi nhưng không lạc, cứ trở ra đi nhưng đi xa mà cũng là trở về. Đạo tròn, tròn xoay. Đi đâu mà lạc? Bàng hành nhi bất lưu.

Lạc Thiên Tri Mệnh Có Bất Ưu

Niềm rung cảm sâu xa với đạo trời gọi là Lạc Thiên. Chu tri là biết Thiên. Tri Mệnh cũng là biết cái bao la của Thiên trong cái tôi nhỏ bé. Mệnh là trong tiểu ngã này ta biết được đường vận hành cùng đại ngã. Cái ta nhỏ bé hòa cùng cái Ta bao la, cái tiểu thiên địa này hội nhập cùng cuộc đại diễn hành của Đạo. **Đời không là cuộc hành trình về Nhất thể bao la, linh thiêng huyền nhiệm sao ?** Niềm An vui của tâm hồn trong cảnh giới của chân tri mà cũng là chu tri, **niềm An vui thênh thang vỡ bờ tạo vật để sang bờ Tính Thể Tâm Linh, đó là “lạc thiên.** Trí hiểu lộ trình gieo gặt của thổ tâm linh là “tri mệnh”. Cho nên ưu sầu nào lẫn quần được bên bước chân Trí giả Việt Nho. Đạo đâu còn để cho người sầu bi. Lạc đến sau chu tri. Chu tri là đường đi đến Lạc. Lạc ở đây sẽ là cái vui của đạo. Lạc đạo nên vui cách thâm trầm, diệu huyền, thanh nhẹ. Chu tri rồi sẽ Lạc Đạo. Lạc Đạo là An Lạc nơi mệnh trời. Cho nên người trí Việt Nho tu thân, trước tiên là tu Đức Trí. **Bảo chứng đầu tiên của đạo tu thân là chính lòng người trí thức Việt Nho: Tâm hồn An Vui, Thường Tĩnh.** Trí giả Việt Nho sau khi tung ra đời theo vòng ngoài của Đạo, nếu để lòng đã vấn vương ưu sầu, là chưa biết cái vui của đạo, là chưa thấu hiểu cái tính mệnh của mình, là chưa lấy Tâm trùm cảnh, là chưa tu thân, trau dồi Đức Trí tới độ Chu Tri. Đường tu dưỡng nội tâm tới độ trí tri, chu tri có thể kiểm chứng nơi sự thanh bình của đáy lòng. Người Việt Nho mang tâm thân mình cảm nghiệm đạo nhiệm mầu. **Lạc Thiên Tri Mệnh có bất ưu.**

An Thổ

Thổ bây giờ ta đã hiểu rồi, đó không phải là tổ chất đất như cái hiểu thường nghiệm của vật chất. Thổ ở tại gieo gặt. Thổ là đức dưỡng nuôi của Đạo. Đi ra là gieo, và đi vào thì gặt. Kiếp người là gì, có phải chính là tác động gieo gặt của thổ. Sinh ra, lớn lên, lẫn xả vào cuộc vật thể của cõi nhân sinh đó là động tác gieo. Rồi được những gì sau bao đấu tranh và ngụp lặn trong cái thú đau thương và hạnh phúc của cuộc tử sinh, đó là gặt. Ai cũng gieo gặt. Nhưng ai cũng gieo cái mầm hạt và gặt cái trái quả của chính mình. Đó là tác động gieo gặt của cá thể. Nhưng còn cuộc gieo lớn lao của cõi tính thể bao la vượt qua cái tôi bé nhỏ, cái đại cuộc gặt của mùa gieo gặt của Thổ Tâm Linh. Nơi đó có cái gieo của Chu Tri, có cái gặt của mùa An vui mệnh mang của tấm lòng vũ trụ. Mùa Gieo Gặt, mùa Vui với Đạo Trời, Mùa An Lạc đó sẽ đến khi con người biết gieo gặt nơi hành thổ của Tâm linh trong cõi lòng mình. An thổ, theo Việt Nho, là tu thân bằng cách **Qui Tâm**.

Đôn Hồ Nhân

Chân đạo Việt Nho nhiệm màu cũng còn để nuôi dưỡng Đức Nhân của lòng người. Người Việt Nho tu đức Trí cho đạt tới độ tròn đầy thì lòng nhân ái càng bao la. Tình yêu người hạn hẹp, phe đảng, giai cấp, đoàn lũ xuất phát từ trí hiểu phân chia, cục bộ, lẫn lộn. Lòng nhân trong trí hiểu còn thấp kém, chật hẹp, giới hạn chưa được nuôi dưỡng và phát triển đúng mức sẽ chỉ sinh ra những căn bệnh của căm thù và đau thương. Cho nên, chỉ có đạt Chu Tri mới nuôi dưỡng, hun đúc được Đức Nhân một cách toàn hảo nhất: **Trí Tuệ chỉ phục vụ Yêu Thương thì mới nuôi dưỡng được yêu thương**. Trí tuệ phục vụ bất kỳ một sự ghét bỏ, kỳ thị, căm thù nào chỉ hủy diệt mầm hạt yêu thương, linh lực sống đời của nhân loại.

Cố Năng Ái

Đức Nhân là thể thường hằng của Đạo. Biểu tỏ của Đức Nhân là cái dụng của đạo, là Yêu Thương. Người trí Việt Nho khi tu thân, hun đúc đức nhân, cũng là để hành xử trong cuộc sinh hoạt vòng ngoài của đạo. Tấm lòng yêu thương vô biên và **chân thực** chỉ có thể có nơi những tâm hồn bao la, đức nhân đã được trường dưỡng từ giác ngộ một trí hiểu cũng bao la như trời đất.

Ý Nghĩa Ngũ Hành của Việt Nho

Tóm lại, qua Mô Thức Ngũ Hành, thánh nhân Việt Nho đã để lại một bài học cô đọng về bước tu thân cả vòng trong tâm linh lẫn vòng ngoài hiện tượng. Bảo chứng của trình độ tu dưỡng nội tâm là đạt đến **AN** nơi Tâm linh và **HÒA** nơi tình yêu thương chân thực. Có nghĩa là khi đạt nội tình An thì mới có ngoại giới Hòa. Có đạt tới cái Chu Tri thì mới có An, Tịnh trong lòng. Lòng có An, có Tịnh thì mới sắp đặt mọi việc bên ngoài sao cho hợp đạo, tự nhiên gây được cảnh thái hòa. Cảnh giới thái hòa sẽ tự nhiên mang đến sự chùng mực, bình quân cho tất cả. Do đó, đã hiểu được Đạo Thể Viên Dung, dù có hoạt động vòng ngoài của đời sống cách nào đi nữa, nhưng Trí giả Việt Nho không bị cuốn trôi theo lưu tục. Như Tâm vẫn hằng An vui trong mọi cảnh sắc ở đời. Lưu hành trong chốn động loạn nhưng Tâm người hiểu Đạo vẫn Tịnh An. Và, chỉ có dừng lại nơi thổ tâm linh, dừng chân nơi chốn quê hương bình an thâm sâu của tâm hồn, thì từ đó mới có thể có tấm lòng yêu thương chân thật. Thật thế, ta không thể yêu người bằng lý trí suông, từ nội tâm động loạn, bất an, nghiêng lệch. Ta không thể yêu người khi chưa hiểu biết về tính thể trọn vẹn của người. **Chưa nắm vững chân lý An Thổ thì làm sao có khả năng yêu thương tha nhân bao la và chân thật**. Triết lý Ngũ Hành định hướng cho ta một hành trình đi tìm thổ tâm linh, để được An, để có tình người chân thực. Triết lý Ngũ Hành nhắc ta con đường của **Trí Tuệ để phục vụ đức Nhân**. Hay nói cách khác, theo triết lý Ngũ Hành, Trí tuệ là nguồn mạch

cho tình yêu người cụ thể và thiết thực. Trí tuệ ở đây là sự liễu hiểu đạo lý hai chiều bổ túc, tương quan, hòa hợp trong vũ trụ, đời sống, cụ thể như yếu tính tiêu biểu của các tổ chất làm biểu tượng. Ta thấy triết lý Việt Nho không dùng những ý niệm xa thực tế, thuần lý trí. Đơn giản, rõ rệt như các tổ chất kim, mộc, thủy, hỏa, thổ mà bất cứ người nào cũng có thể quan sát được.

Minh Triết An Vi từ những biểu tượng ngũ hành mà khai mở chân lý nền tảng của nhân sinh. Những yếu tính của Kim và Mộc là những bài học vòng ngoài của bước lưu hành thế tục. Có lúc phải như mộc, uốn khúc để rồi chính trực. Có lúc như kim, vâng theo để mà biến cải. Những nguyên tắc này là nguyên tắc của sự linh động trong thực tế, của sự chấp nhận đi từ những bất lợi, trắc trở, bất như ý từ những hoàn cảnh riêng tư của cá nhân, xã hội, để rồi từ đó mà biến đổi, đưa về chính trực. Hiện thực triết lý ngũ hành là phải rèn luyện cái yếu tính của kim, của mộc trong sinh hoạt hiện tượng, nhưng không để sự uyển chuyển và tùy thời mà trôi luôn theo ngoại cảnh, mất cả Đạo Tâm. Cho nên Hiền Triết Việt Nho phải như lòng “**Bàng hành nhi bất lưu**”. Hoạt động vòng ngoài nhưng không trôi theo lưu tục, luôn An nhiên nơi hành Thổ tâm linh. Đó cũng cùng ý nghĩa của đoá hoa sen tinh khiết. Do đó, với Tâm trùm cảnh, lòng người là đoá sen trong sạch An vui thường tịnh, lan tỏa nguồn yêu thương chân thực. Chu tri và An Tĩnh là một bảo chứng cho lòng chân thực của đức yêu người. Hay nói cách khác, đạo đức tu thân phải là đầu mối của yêu thương, là cội nguồn của mọi sinh hoạt xã hội. Tu thân là tĩnh tâm cho an định, vững vàng trong sự đoạn trừ vô minh của bất cứ tư tưởng, ý niệm một chiều, quá khích nào làm mất đạo Bình Quân tự nhiên của trời đất.

Thế giới hiện nay đang bị sâu xé vì những ý hệ đủ loại, kiếp người bị vật thể hóa vì đời sống nặng nề cùm kẹp của vật chất, tình yêu thương bị héo mòn theo. Triết Lý Ngũ Hành, cơ cấu siêu việt của Đạo Thể Viên Dung, là thực phẩm tài bồi cho đất Tâm linh khô cằn, là lộ trình tu thân về **Hành Thổ Tâm Linh**– **Miền Quê Hương Bình An của Mỗi Tâm Hồn**.

Đông Lan

Nguồn: <https://minhtrietviet.net/ba-mo-thuc-can-ban-cua-viet-nho-2/>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7700 TÁC PHẨM